

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Costa Jean - Luc Francois	Phó Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Ông Clause Pierre Seigne	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2013)
Ông Prasanna Rajashekhar Patil	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2013)

Ban Điều hành

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Xuân Dung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014)
Ông Nguyễn Phú Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Việt Thành	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Trần Đức Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên
Ông Clause Pierre Seigne	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

1250
HI NH
CÔNG
NHIỆ
ELO
IỆT
TP.

CHI MINH

Số: 503 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Huỳnh Thanh phương

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2061-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B01-DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.871.238.674.361	2.029.249.613.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	229.724.660.283	180.304.644.425
1. Tiền	111		229.724.660.283	180.304.644.425
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	744.566.671.382	966.669.802.334
1. Đầu tư ngắn hạn	121		931.253.035.382	1.120.320.386.911
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(186.686.364.000)	(153.650.584.577)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		881.886.506.436	855.644.388.183
1. Phải thu khách hàng	131	8	874.923.418.200	730.935.080.408
2. Trả trước cho người bán	132	9	2.392.043.494	3.177.334.427
3. Các khoản phải thu khác	135	10	178.118.043.092	255.287.113.228
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139	11	(173.546.998.350)	(133.755.139.880)
IV. Hàng tồn kho	140		4.431.496.642	4.694.795.597
1. Hàng tồn kho	141		4.431.496.642	4.694.795.597
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.629.339.618	21.935.982.795
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.441.547.730	1.464.140.946
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		115.604.284	12.553.160.938
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.072.187.604	7.918.680.911
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1.887.604.113.268	1.570.644.366.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	12	52.287.675.894	46.242.875.939
1. Phải thu dài hạn khác	218		52.287.675.894	46.242.875.939
II. Tài sản cố định	220		439.101.099.397	440.627.722.548
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	86.092.415.493	93.511.175.932
- Nguyên giá	222		197.299.815.408	206.184.338.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.207.399.915)	(112.673.162.904)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	315.840.028.687	314.292.842.276
- Nguyên giá	228		358.360.123.581	349.435.994.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.520.094.894)	(35.143.152.706)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	37.168.655.217	32.823.704.340
III. Bất động sản đầu tư	240	16	25.078.669.699	26.672.063.858
- Nguyên giá	241		27.638.017.517	27.638.017.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.559.347.818)	(965.953.659)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.153.055.440.717	920.711.429.537
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	210.058.000.000	210.058.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	18	152.781.309.450	152.781.309.450
3. Đầu tư dài hạn khác	258	19	838.890.128.825	577.360.824.425
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	19	(48.673.997.558)	(19.488.704.338)
V. Tài sản dài hạn khác	260		218.081.227.561	136.390.274.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20	206.587.397.580	125.207.254.116
2. Ký quỹ bất buộc	263	21	6.000.000.000	6.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.493.829.981	5.183.020.411
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.758.842.787.629	3.599.893.979.743

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B01-DNBH
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		1.694.501.695.092	1.518.272.303.985
I. Nợ ngắn hạn	310		718.979.033.946	552.809.049.152
1. Phải trả người bán	312	22	413.339.309.615	334.461.716.392
2. Người mua trả tiền trước	313	23	82.644.276.166	93.036.463.387
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	24	23.561.569.935	23.418.053.967
4. Phải trả người lao động	315	25	70.234.635.152	49.800.361.467
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	26	127.985.744.150	52.092.453.939
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.213.498.928	-
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	27	975.176.321.976	964.933.017.767
1. Dự phòng phí	331		779.744.086.555	730.797.339.404
2. Dự phòng bồi thường	332		107.489.008.967	113.139.717.906
3. Dự phòng dao động lớn	333		87.943.226.454	120.995.960.457
III. Nợ dài hạn	340		346.339.170	530.237.066
1. Phải trả dài hạn khác	343		346.339.170	530.237.066
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		2.064.341.092.537	2.081.621.675.758
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	2.064.341.092.537	2.081.621.675.758
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	417		52.664.005.850	44.072.906.648
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.817.683.252	13.771.924.950
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		105.375.328.986	135.292.769.711
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		3.758.842.787.629	3.599.893.979.743
(430=300+400)				



Vũ Thị Dung
Người lập biểu



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02a-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		2.306.342.880.038	2.294.836.075.338
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		290.207.853.968	254.129.379.252
3. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06)	03		707.031.974.500	824.883.306.726
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	04		695.149.013.188	799.445.550.571
<i>Giảm phí bảo hiểm</i>	05		1.703.853.792	3.022.382.084
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	06		10.179.107.520	22.415.374.071
4. Tăng dự phòng phí	08	27	48.946.747.151	56.433.002.128
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		110.832.089.278	118.711.534.076
6. Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10		525.270.098	1.099.107.714
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (01+02-03-08+09+10)	14		1.951.929.371.731	1.787.459.787.526
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		1.292.434.842.688	1.198.708.401.894
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		162.862.547.857	104.018.418.647
10. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20)	17		626.413.596.116	493.280.186.299
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	18		604.222.425.245	481.735.063.659
<i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i>	19		20.443.166.457	7.394.890.376
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	20		1.748.004.414	4.150.232.264
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21=15+16-17)	21		828.883.794.429	809.446.634.242
12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22	27	18.000.000.000	65.000.000.000
13. Giảm dự phòng bồi thường	23	27	5.650.708.939	13.165.748.867
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	27	19.638.932.664	52.149.635.203
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25=27+29+30+31+32+33+35)	25		492.283.307.205	387.487.773.698
<i>Chi hoa hồng bảo hiểm gốc</i>	27		259.387.999.568	248.881.151.530
<i>Chi đòi người thứ ba</i>	29		350.832.207	522.639.022
<i>Chi xử lý hàng bồi thường 100%</i>	30		9.400.941	48.090.908
<i>Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm</i>	31		1.788.633.727	1.310.082.320
<i>Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất</i>	32		11.627.942.525	7.154.279.092
<i>Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)</i>	33		147.054.393.678	66.735.433.874
<i>Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm</i>	35		72.064.104.559	62.836.096.952
16. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo (41=21-22-23+24+25)	41		1.317.155.325.359	1.170.918.294.276
17. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42=14-41)	42		634.774.046.372	616.541.493.250
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		579.942.795.719	615.701.942.729
19. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45=42-44)	45		54.831.250.653	839.550.521
20. Doanh thu hoạt động tài chính	46	29	191.360.622.860	223.144.747.125
21. Chi phí tài chính	47	30	146.660.924.181	149.401.435.479
22. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (51=46-47)	51		44.699.698.679	73.743.311.646
23. Thu nhập khác	52		5.112.981.329	15.192.620.985
24. Chi phí khác	53		1.175.339.360	777.673.745
25. Lợi nhuận khác (54=52-53)	54		3.937.641.969	14.414.947.240
26. Lợi nhuận trước thuế (55=45+51+54)	55		103.468.591.301	88.997.809.407
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	31	12.561.773.296	8.082.643.366
28. Lợi nhuận sau thuế (61=55-60)	61		90.906.818.005	80.915.166.041


Vũ Thị Dung
Người lập biểu


Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng


Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B03-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	103.468.591.301	88.997.809.407
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.371.284.305	23.290.002.740
Tăng các khoản dự phòng	03	102.012.931.113	135.993.727.667
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.640.364.706	4.008.008.759
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(162.203.634.778)	(207.524.762.718)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	71.289.536.647	44.764.785.855
Thay đổi các khoản phải thu	09	(96.100.860.446)	(1.483.197.540)
Thay đổi hàng tồn kho	10	263.298.955	(1.180.658.177)
Thay đổi các khoản phải trả	11	171.596.327.168	(101.984.706.155)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(79.808.725.871)	(12.767.024.744)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(124.216.642)	(10.726.474.220)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	244.012.701	222.416.870
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(631.430.245)	(3.749.682.424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.727.942.267	(86.904.540.535)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(22.812.909.386)	(28.592.567.330)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	209.917.451	1.330.302.684
3. Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(1.458.312.215.517)	(1.603.643.847.000)
4. Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư	24	1.417.379.567.046	1.484.549.433.540
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(81.212.300.000)	(27.886.750.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	49.682.995.600	132.321.585.094
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	168.132.986.815	141.990.504.203
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	73.068.042.009	100.068.661.191
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	49.195.984.276	(77.435.879.344)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	180.304.644.425	258.530.906.001
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	224.031.582	(790.382.232)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	229.724.660.283	180.304.644.425

Vũ Thị Dung
Người lập biểu

Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng

Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 08 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Tổng Công ty có 60 chi nhánh trên cả nước, một công ty con và một công ty liên doanh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.710 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.710 người).

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; do đó, Tổng Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh trong báo cáo tài chính riêng này. Các khoản đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 5 bên dưới.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Điều hành đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Điều hành đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Việc áp dụng Thông tư 232 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin trọng yếu khác. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Điều hành đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư tài chính dài hạn và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản dự phòng nghiệp vụ và nhận ký quỹ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về ghi nhận tiếp theo công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng	5 - 25
Phương tiện vận tải	7 - 12
Máy móc, thiết bị	4 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm. Theo quy định hiện hành, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng của lô đất và quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động kinh doanh, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán hiện hành của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với quyền sử dụng đất có thời hạn. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản đầu tư. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Góp vốn liên doanh

Khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Khoản vốn góp liên doanh được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản góp vốn liên doanh. Tại ngày báo cáo tiếp theo, khoản góp vốn vào công ty liên doanh được trình bày theo nguyên giá gốc, trừ đi khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán niêm yết có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và chứng khoán hạn chế quyền chuyển nhượng tự do trên thị trường.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí hoa hồng, chi phí khai thác trực tiếp chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian mà Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận các chi phí bảo hiểm chính

Chi phí bồi thường: Chi phí bồi thường được ghi nhận tại thời điểm các hồ sơ bồi thường được hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Các khoản bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ thì xem là chưa giải quyết và được bao gồm trong dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng: Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh hoặc phân bổ theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Hoạt động tái bảo hiểm

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thiệt hại từ những hợp đồng bảo hiểm đã ký kết bằng cách tái bảo hiểm ở những mức độ nhất định các rủi ro với các công ty bảo hiểm khác hay các công ty tái bảo hiểm. Lợi ích có thể thu được từ công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính thống nhất dựa vào hợp đồng tái bảo hiểm. Tổng Công ty có 2 hoạt động tái bảo hiểm như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Nhượng tái bảo hiểm***

Phí nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tùy chọn được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận của hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Phí hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được các bảng thông báo thanh toán của bên nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu tái bảo hiểm được ghi nhận và bên nhận tái bảo hiểm nhận được bảng thông báo tái bảo hiểm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “*Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Dự phòng nghiệp vụ

Theo Công văn số 11986/BTC-QLBH ngày 09 tháng 9 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, Bộ tài chính đã xác nhận Tổng Công ty đã đăng ký các phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm áp dụng từ năm 2013 như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp tỷ lệ 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia gồm nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy, nổ. Phương pháp tỷ lệ 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại.

Dự phòng bồi thường

- Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết: được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường Tổng Công ty nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường:

+ Đối với nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới và nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe áp dụng phương pháp trích lập theo công thức quy định tại Tiết a, Điểm 4.2, Khoản 4, Điều 7 Thông tư 125/2012/TT-BTC

+ Đối với các nghiệp vụ còn lại, trích theo tỉ lệ 3% tổng phí bảo hiểm giữ lại (năm 2012: 0) đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất

Áp dụng mức trích lập theo tỉ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2012: 3%) theo từng nghiệp vụ bảo hiểm và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	19.315.630.933	16.251.418.469
Tiền gửi ngân hàng	210.409.029.350	164.053.225.956
	229.724.660.283	180.304.644.425

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Cổ phiếu niêm yết VND	Khác VND	Tổng VND
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN			
Tại ngày 01/01/2013	45.477.480.760	1.074.842.906.151	1.120.320.386.911
Tăng	15.086.636.850	1.096.225.578.667	1.111.312.215.517
Giảm	(35.938.655.046)	(1.264.440.912.000)	(1.300.379.567.046)
Tại ngày 31/12/2013	24.625.462.564	906.627.572.818	931.253.035.382
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN			
Tại ngày 01/01/2013	33.040.129.777	120.610.454.800	153.650.584.577
(Giảm)/ tăng dự phòng	(16.440.129.777)	49.475.909.200	33.035.779.423
Tại ngày 31/12/2013	16.600.000.000	170.086.364.000	186.686.364.000
GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN			
Tại ngày 31/12/2013	8.025.462.564	736.541.208.818	744.566.671.382
Tại ngày 31/12/2012	12.437.350.983	954.232.451.351	966.669.802.334

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm với lãi suất từ 8% đến 12%/năm (năm 2012: từ 6,66% đến 11,66%/năm).

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu bảo hiểm gốc	378.802.964.157	446.193.287.361
Phải thu nhận tái bảo hiểm	55.262.242.421	31.044.212.218
Phải thu nhượng tái bảo hiểm	440.858.211.622	253.697.580.829
	874.923.418.200	730.935.080.408

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán thể hiện số dư của các khoản tạm ứng bồi thường cho người được bảo hiểm và công ty môi giới bảo hiểm tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu từ hoạt động đầu tư	76.598.583.954	88.769.835.383
Phải thu từ SCIC	34.691.666.666	69.383.333.333
Phải thu khác	66.827.792.472	97.133.944.512
	<u>178.118.043.092</u>	<u>255.287.113.228</u>

Phải thu từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") thể hiện phần vốn còn lại sau khi phân bổ một phần vào quỹ dự phòng dao động lớn do Tổng Công ty phân bổ số tiền vốn trong 3 năm. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 27 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 2803/BTC-QLBH ngày 04 tháng 3 năm 2013 hướng dẫn xử lý hạch toán tiền vốn và lãi thu được từ chuyển nhượng Bảo Minh - CMG năm 2007. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền vốn trong 3 năm từ năm 2012 và hạch toán một phần với số tiền là 34.691.666.667 đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

11. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng phải thu bảo hiểm gốc	113.470.203.835	92.704.423.131
Dự phòng lãi phải thu đầu tư tài chính	60.076.794.515	41.050.716.749
	<u>173.546.998.350</u>	<u>133.755.139.880</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

Các khoản phải thu dài hạn thể hiện các khoản dự thu tiền lãi từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn gồm trái phiếu, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở lên tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃU SỐ B09-DNBH

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng VND	Phương tiện vận tải VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	125.469.174.018	44.963.584.788	64.740.822	30.885.144.627	4.801.694.581	206.184.338.836
Tăng trong năm	208.918.382	2.826.422.727	-	402.316.181	46.567.818	3.484.225.108
Đầu tư xây dựng	3.676.667.968	-	-	26.800.000	111.461.094	3.814.929.062
cơ bản hoàn thành	-	(893.968.086)	-	(2.725.239.301)	(69.434.984)	(3.688.642.371)
Thanh lý, nhượng bán	-	(53.000.273)	(64.740.822)	(11.486.235.186)	(891.058.946)	(12.495.035.227)
Phân loại lại (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	129.354.760.368	46.843.039.156	-	17.102.786.321	3.999.229.563	197.299.815.408
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	47.741.980.696	35.236.375.713	55.104.335	25.715.805.726	3.923.896.434	112.673.162.904
Khấu hao trong năm	7.569.631.121	3.346.963.688	2.253.246	2.306.726.224	389.696.833	13.615.271.112
Giảm do thanh lý	-	(893.968.086)	-	(2.712.421.287)	(69.434.984)	(3.675.824.357)
Phân loại lại (*)	-	(53.000.273)	(57.357.581)	(10.552.234.186)	(742.617.704)	(11.405.209.744)
Tại ngày 31/12/2013	55.311.611.817	37.636.371.042	-	14.757.876.477	3.501.540.579	111.207.399.915
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	74.043.148.551	9.206.668.114	-	2.344.909.844	497.688.984	86.092.415.493
Tại ngày 31/12/2012	77.727.193.322	9.727.209.075	9.636.487	5.169.338.901	877.798.147	93.511.175.932

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm một số đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 52.412.225.614 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 52.333.527.200 đồng).

(*) Phân loại lại thể hiện nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của những tài sản được phân loại sang chi phí trả trước dài hạn do không còn đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") ngày 25 tháng 4 năm 2013, do Bộ Tài chính đã ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	282.375.828.200	67.060.166.782	349.435.994.982
Tăng trong năm	-	1.792.348.796	1.792.348.796
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	8.917.456.649	8.917.456.649
Phân loại lại	-	(1.785.676.846)	(1.785.676.846)
Tại ngày 31/12/2013	282.375.828.200	75.984.295.381	358.360.123.581
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	980.063.014	34.163.089.692	35.143.152.706
Khấu hao trong năm	-	9.162.619.034	9.162.619.034
Phân loại lại	-	(1.785.676.846)	(1.785.676.846)
Tại ngày 31/12/2013	980.063.014	41.540.031.880	42.520.094.894
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	281.395.765.186	34.444.263.501	315.840.028.687
Tại ngày 31/12/2012	281.395.765.186	32.897.077.090	314.292.842.276

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.705.244.562 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 13.428.321.408 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2013 VND	2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	32.823.704.340	48.971.893.557
Tăng trong năm	17.536.335.482	24.010.149.051
Kết chuyển sang tài sản cố định	(12.732.385.711)	(38.843.558.015)
Giảm khác	(458.998.894)	(1.314.780.253)
Tại ngày 31 tháng 12	37.168.655.217	32.823.704.340

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 là giá trị các công trình xây dựng trụ sở của các chi nhánh Bảo Minh ở các tỉnh và thành phố. Chi tiết giá trị cuối kỳ như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Giá trị đất trụ sở	3.956.818.182	3.956.818.182
Nhà số 85/3 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP.HCM	11.102.271.300	11.102.271.300
Chi phí dự án BEST 2012	-	7.765.527.446
Nhà số 217 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM	10.440.974.665	1.945.832.988
Trụ sở Bảo Minh Lạng Sơn	1.551.656.602	1.463.841.154
Trụ sở Bảo Minh Cần Thơ	1.593.780.554	1.116.269.710
Trụ sở Bảo Minh Bạc Liêu	10.238.138	1.518.398.886
Trụ sở Bảo Minh Quảng Nam	1.684.533.466	149.041.825
Trạm biến áp số 10 Phan Huy Chú	3.550.887.363	379.640.817
Các công trình khác	3.277.494.947	3.426.062.032
	37.168.655.217	32.823.704.340

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Quyền sử dụng đất

VND**NGUYỄN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2013

27.638.017.517

Tại ngày 31/12/2013

27.638.017.517**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2013

965.953.659

Khấu hao trong năm

1.593.394.159

Tại ngày 31/12/2013

2.559.347.818**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2013

25.078.669.699

Tại ngày 31/12/2012

26.672.063.858

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 (VAS 05) - “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cần được trình bày trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Tổng Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản lâu dài và Tổng Công ty cũng chưa xác định được các bất động sản cùng loại tương tự để so sánh.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là “BMSC”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. BMSC có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,02% vốn điều lệ (tương đương với 70,02% quyền biểu quyết).

Hoạt động chính của BMSC là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là “UIC”) được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ (tương đương với 48,45% quyền biểu quyết).

Hoạt động chính của Công ty liên doanh là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm Công ty liên doanh được phép kinh doanh, thực hiện các dịch vụ liên quan gồm: giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định và xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Cổ phiếu VND	Trái phiếu VND	Khác VND	Tổng VND
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 01/01/2013	304.063.113.370	136.297.711.055	137.000.000.000	577.360.824.425
Tăng	-	81.212.300.000	347.000.000.000	428.212.300.000
Giảm	(22.882.995.600)	(26.800.000.000)	(117.000.000.000)	(166.682.995.600)
Tại ngày 31/12/2013	281.180.117.770	190.710.011.055	367.000.000.000	838.890.128.825

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 01/01/2013	19.488.704.338	-	-	19.488.704.338
(Giảm)/ tăng	(10.563.562.308)	39.748.855.528	-	29.185.293.220
Tại ngày 31/12/2013	8.925.142.030	39.748.855.528	-	48.673.997.558

GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 31/12/2013	272.254.975.740	150.961.155.527	367.000.000.000	790.216.131.267
Tại ngày 31/12/2012	284.574.409.032	136.297.711.055	137.000.000.000	557.872.120.087

Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	48.020.000.000	48.020.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	1.277.992.000	1.277.992.000
Cổ phiếu Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	211.203.135	211.203.135
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	7.618.100.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	779.200.000	779.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần vận tải Long An	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	43.218.000.000	43.218.000.000
Cổ phiếu Công ty Địa ốc 9	514.000.000	514.000.000
Cổ phiếu Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Bảo Việt	19.925.723.060	40.080.953.060
Cổ phiếu Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam - VF2	6.515.899.575	9.243.665.175
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Rượu Bia Nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
	281.180.117.770	304.063.113.370
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	12.497.711.055	12.497.711.055
Trái phiếu Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy (Vinashin)	67.000.000.000	67.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ	81.212.300.000	26.800.000.000
	190.710.011.055	136.297.711.055

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.746.684.351	1.701.763.554
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	78.504.503.108	55.938.896.259
Chi phí trả trước dài hạn khác	125.336.210.121	67.566.594.303
	206.587.397.580	125.207.254.116

21. KÝ QUỸ BẮT BUỘC

Số dư ký quỹ bắt buộc thể hiện số tiền bằng 2% vốn pháp định đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ là 300 tỷ đồng được quy định tại khoản 1, điều 4, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ. Tổng Công ty đang gửi số tiền ký quỹ này tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Lộc theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 với lãi suất 9,5%/năm

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc và hoàn phí gốc	58.907.790.827	50.994.407.011
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm gốc	1.917.060.681	133.483.283
Phải trả bồi thường tái bảo hiểm	27.155.270.118	26.133.999.165
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	325.359.187.989	257.199.826.933
	413.339.309.615	334.461.716.392

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Doanh thu chưa thực hiện	51.974.578.211	61.009.949.814
Thu tiền ứng trước từ khách hàng	30.669.697.955	32.026.513.573
	82.644.276.166	93.036.463.387

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	20.034.200.306	19.727.740.586
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác	3.527.369.629	3.690.313.381
	23.561.569.935	23.418.053.967

25. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, phải trả người lao động thể hiện khoản chênh lệch giữa quỹ lương trích vào chi phí trong năm và số lương, thưởng thực tế chi trả cho cán bộ công nhân viên trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính riêng**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃU SỐ B09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả phí đồng bảo hiểm	90.925.810.507	11.702.200.560
Phải trả khác	37.059.933.643	40.390.253.379
	<u>127.985.744.150</u>	<u>52.092.453.939</u>

27. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí chưa được hưởng <u>VND</u>	Dự phòng bồi thường <u>VND</u>	Dự phòng dao động lớn <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2012	674.364.337.276	126.305.466.773	168.537.991.921	969.207.795.970
Tăng/(giảm) trong năm	56.433.002.128	(13.165.748.867)	52.149.635.203	95.416.888.464
Số sử dụng trong năm	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Điều chỉnh giảm	-	-	(34.691.666.667)	(34.691.666.667)
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>730.797.339.404</u>	<u>113.139.717.906</u>	<u>120.995.960.457</u>	<u>964.933.017.767</u>
Tăng/(giảm) trong năm	48.946.747.151	(5.650.708.939)	19.638.932.664	62.934.970.876
Số sử dụng trong năm (*)	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Điều chỉnh giảm (**)	-	-	(34.691.666.667)	(34.691.666.667)
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>779.744.086.555</u>	<u>107.489.008.967</u>	<u>87.943.226.454</u>	<u>975.176.321.976</u>

(*) Trong năm 2013, Công ty đã sử dụng 18.000.000.000 đồng (năm 2012: 65.000.000.000 đồng) từ quỹ dự phòng dao động lớn để chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái bảo hiểm.

(**) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 2803/BTC-QLBH ngày 04 tháng 3 năm 2013 hướng dẫn xử lý hạch toán vốn và lãi thu được từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh - CMG. Theo đó, đối với số tiền gốc 5.000.000 đô la Mỹ được hạch toán giảm dự phòng dao động lớn không quá 3 năm. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền gốc trong 3 năm từ năm 2012 và hạch toán một phần với số tiền là 34.691.666.667 đồng ghi giảm quỹ dự phòng dao động lớn trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 09-DNBH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	755.000.000.000	1.133.484.074.449	43.244.907.730	12.943.926.032	226.733.953.827	2.171.406.862.038
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	80.915.166.041	80.915.166.041
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	827.998.918	827.998.918	(1.655.997.836)	-
Giảm số trích dự phòng theo quyết toán thuế	-	-	-	-	23.362.957.306	23.362.957.306
Hoàn nhập thuế chuyển nhượng vốn	-	-	-	-	10.388.764.492	10.388.764.492
Nộp bổ sung thuế 2011	-	-	-	-	(2.604.722.487)	(2.604.722.487)
Điều chỉnh giảm	-	-	-	-	(107.760.926.445)	(107.760.926.445)
Chi khác	-	-	-	-	(3.486.425.187)	(3.486.425.187)
Số dư tại ngày 31/12/2012	755.000.000.000	1.133.484.074.449	44.072.906.648	13.771.924.950	135.292.769.711	2.081.621.675.758
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	90.906.818.005	90.906.818.005
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	(12.636.857.504)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	8.591.099.202	4.045.758.302	(17.266.780.551)	(17.266.780.551)
Chi khác	-	-	-	-	(320.620.675)	(320.620.675)
Số dư tại ngày 31/12/2013	755.000.000.000	1.133.484.074.449	52.664.005.850	17.817.683.252	105.375.328.986	2.064.341.092.537

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm số 0555/2013-BM/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Tổng Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012, cụ thể:

- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 90.600.000.000 đồng (năm 2012: 90.600.000.000 đồng).
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi với số tiền là 17.266.780.551 đồng.
- Trích lập quỹ dự trữ bất buộc với số tiền là 4.045.758.302 đồng.
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền là 4.045.758.302 đồng.

Tổng Công ty đã tiến hành chi trả đủ số cổ tức nêu trên trong năm 2013.

Đồng thời, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự trữ bất buộc từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 với số tiền là 4.545.340.900 đồng. Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối quỹ dự trữ bất buộc từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính riêng**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng.
Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.500.000	75.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>75.500.000</i>	<i>75.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.500.000	75.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>75.500.000</i>	<i>75.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2012</u> <u>VND</u>
Tổng Cty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70%	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA - Pháp	125.700.000.000	16,65%	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	42.532.000.000	5,63%	42.532.000.000	42.532.000.000
CBNV Bảo Minh và cổ đông bên ngoài	203.980.000.000	27,02%	203.980.000.000	203.980.000.000
	<u>755.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>755.000.000.000</u>	<u>755.000.000.000</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2013</u> <u>VND</u>	<u>2012</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.280.630.157	131.621.126.144
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	7.774.614.622	20.523.478.889
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.233.675.818	56.947.488.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.104.382.644	5.083.483.946
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.908.446.471	4.661.121.197
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	1.014.547.000	938.050.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.044.326.148	3.369.998.949
	<u>191.360.622.860</u>	<u>223.144.747.125</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí cho hoạt động đầu tư	30.507.402.910	33.054.813.677
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.526.510.290	8.358.018.788
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.696.259.988	5.396.986.530
Dự phòng giảm giá đầu tư	81.247.150.409	91.482.813.877
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	17.921.342.663	8.548.222.771
Chi phí tài chính khác	2.762.257.921	2.560.579.836
	<u>146.660.924.181</u>	<u>149.401.435.479</u>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	103.468.591.301	88.997.809.407
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	1.012.177.699	280.252.058
Trừ: Thu nhập cố tức không chịu thuế	(54.233.675.818)	(56.947.488.000)
Thu nhập chịu thuế	<u>50.247.093.182</u>	<u>32.330.573.465</u>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>12.561.773.296</u>	<u>8.082.643.366</u>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

32. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính thì đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư 05/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 1 năm 2005 với tỷ lệ 2% trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Theo đó một khoản thuế nhà thầu với giá trị ước tính khoảng 25 tỷ đồng tính trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài của Tổng Công ty từ năm 2005 đến hết năm 2008 chưa được Tổng Công ty ghi nhận. Theo Công văn 8667/BCT-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, thì các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là những nước đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ 2005 đến 2008. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã tính toán và nộp phần thuế không được miễn đồng thời đang tiến hành thực hiện các thủ tục miễn thuế theo Công văn nêu trên.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	<u>17.475.012.825</u>	<u>18.860.431.895</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	12.404.651.142	10.712.189.955
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.373.032.026	21.847.455.158
Sau năm năm	60.503.625	863.585.375
	<u>27.838.186.793</u>	<u>33.423.230.488</u>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất, văn phòng và đường truyền internet với thời hạn từ 1 năm tới 30 năm.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.724.660.283	180.304.644.425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	931.782.138.836	898.709.929.695
Đầu tư tài chính ngắn hạn	744.566.671.382	966.669.802.334
Đầu tư tài chính dài hạn	790.216.131.267	557.872.120.087
Các khoản ký quỹ	11.856.829.415	11.790.032.546
	<u>2.708.146.431.183</u>	<u>2.615.346.529.087</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	541.325.053.765	386.554.170.331
Dự phòng nghiệp vụ	975.176.321.976	964.933.017.767
Nhận ký quỹ	346.339.170	530.237.066
	<u>1.516.847.714.911</u>	<u>1.352.017.425.164</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	300.052.907.642	392.030.018.340	173.946.557.239	197.744.284.886
Euro (EUR)	41.251.623.378	5.590.672.090	30.885.941.445	6.772.121.324
Bảng Anh (GBP)	5.913.627.582	11.375.363.394	482.187.697	1.104.278.864
Yên Nhật (JPY)	1.665.364.337	1.945.748.356	26.730.776	759.126.098
Đồng Singapore (SGD)	362.071.350	195.435.018	-	-
Won Hàn Quốc (KRW)	5.357.211.632	335.287.506	391.529.275	56.111.611
Franc Thụy Sĩ (CHF)	-	-	37.597.633	36.234.949
Đô la Úc (AUD)	15.316.950	2.903.156	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro, Bảng Anh, Yên Nhật và Won Hàn Quốc.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Điều hành sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Điều hành về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư lớn của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	6.285.630.538	9.729.298.742
Euro (EUR)	499.922.565	(57.809.425)
Bảng Anh (GBP)	256.809.747	506.388.113
Yên Nhật (JPY)	87.985.290	63.794.897
Won Hàn Quốc (KRW)	240.916.057	13.876.684

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Quản lý rủi ro lãi suất***

Tổng số tài sản tài chính nhận lãi suất của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 6, số 7 và số 19. Chính sách của Tổng Công ty là duy trì nguồn tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mức lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về thay đổi giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.724.660.283	-	229.724.660.283
Phải thu khách hàng và phải thu khác	879.494.462.942	52.287.675.894	931.782.138.836
Đầu tư tài chính ngắn hạn	744.566.671.382	-	744.566.671.382
Đầu tư tài chính dài hạn	-	790.216.131.267	790.216.131.267
Các khoản ký quỹ	362.999.434	11.493.829.981	11.856.829.415
	1.854.148.794.041	853.997.637.142	2.708.146.431.183

31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	541.325.053.765	-	541.325.053.765
Dự phòng nghiệp vụ	887.233.095.522	87.943.226.454	975.176.321.976
Nhận ký quỹ	-	346.339.170	346.339.170
	1.428.558.149.287	88.289.565.624	1.516.847.714.911

Chênh lệch thanh khoản thuần	425.590.644.754	765.708.071.518	1.191.298.716.272
-------------------------------------	------------------------	------------------------	--------------------------

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.304.644.425	-	180.304.644.425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	852.467.053.756	46.242.875.939	898.709.929.695
Đầu tư tài chính ngắn hạn	966.669.802.334	-	966.669.802.334
Đầu tư tài chính dài hạn	-	557.872.120.087	557.872.120.087
Các khoản ký quỹ	607.012.135	11.183.020.411	11.790.032.546
Tổng cộng	2.000.048.512.650	615.298.016.437	2.615.346.529.087

31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	386.554.170.331	-	386.554.170.331
Dự phòng nghiệp vụ	843.937.057.310	120.995.960.457	964.933.017.767
Nhận ký quỹ	-	530.237.066	530.237.066
Tổng cộng	1.230.491.227.641	121.526.197.523	1.352.017.425.164
Chênh lệch thanh khoản thuần	769.557.285.009	493.771.818.914	1.263.329.103.923

Ban Điều hành đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Mức độ thường xuyên và tính chất nghiêm trọng của bồi thường bảo hiểm bị tác động bởi nhiều yếu tố. Yếu tố đáng lưu ý nhất là mức độ gia tăng số trường hợp tranh chấp liên quan đến tòa án vẫn chưa được giải quyết hoặc xử lý chậm trong thời gian dài. Lạm phát ước tính cũng là nhân tố đáng kể do giải quyết những trường hợp này thường kéo dài qua nhiều năm.

Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp bảo hiểm, xây dựng tỉ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm và sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu tài chính		
Cổ tức nhận từ BMSC	12.603.480.000	14.283.944.000
Cổ tức nhận từ UIC	17.442.000.000	21.802.500.000
Tiền thuê văn phòng từ BMSC	154.399.495	308.000.000
Chi phí môi giới và tư vấn trả BMSC	111.149.737	72.875.195
Cổ tức		
Cổ tức BMSC đã trả hộ	1.864.695.240	20.918.126.600
Tổng Công ty nhờ BMSC trả cổ tức	495.609.040	22.343.664.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	5.586.263.200	5.866.536.316

Sơ dư với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính riêng:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Cổ tức phải nhờ BMSC trả hộ	972.376.760	2.341.462.960



Vũ Thị Dung
Người lập biểu



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014